

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2018/HNGĐ – ST**

Ngày: 05/3/2018.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Sáng.

Ông Bùi Văn Chiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 440/2017/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh Phan Quốc D, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BD, tỉnh BT.

Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị L và anh D sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay.

Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị L khai, chị L và anh D có 03 người con chung tên là: Phan Quốc K, sinh ngày: 02/10/2002; Phan Quốc T, sinh ngày: 07/10/2005; Phan Thị Ngọc N, sinh ngày: 19/12/2006 hiện đang chung sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng có tài sản chung bao gồm: 01 căn nhà xây dựng trên phần đất thuộc thửa 774, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh BT.; 01 xe mô tô biển số: 71 C1 – 17572; 01 chiếc ghe máy. Chị L yêu cầu chia đôi tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1951. Địa chỉ: ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh BT số tiền 10.000.000 đồng. Chị L yêu cầu chia đôi số nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Về tài sản sản chung chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị G có đơn từ chối tham gia tố tụng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ 10.000.000 đồng của vợ chồng Chị Trần Thị L, Anh Phan Quốc D.

Đối với anh D, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh D, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị L được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao cháu K, cháu T và cháu N cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị G không có yêu cầu đòi nợ, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với Anh Phan Quốc D và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 02/10/2017 của Công an xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT. Anh Phan Quốc D có đăng ký thường trú tại: ấp TL1, xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là Anh Phan Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng Anh Phan Quốc D vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Anh Phan Quốc D.

[4] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 106 ngày 11/12/2001 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BĐ, tỉnh BT cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn

nhưng chị L và anh D sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D.

- Về con chung: Chị L khai, chị L và anh D có 03 người con chung tên là: Phan Quốc K, sinh ngày: 02/10/2002; Phan Quốc T, sinh ngày: 07/10/2005; Phan Thị Ngọc N, sinh ngày: 19/12/2006 hiện đang chung sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Hiện nay cháu K, cháu T và cháu N đang sống với chị L vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần, các cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với chị L. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, do đó giao cháu K, cháu T và cháu N cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh D có tranh chấp về tài sản chung thì khởi kiện vụ án khác.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này bà G, chị L, anh D có tranh chấp về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

[6] Đối với Lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho chị L 987.500 đồng (*Chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với Anh Phan Quốc D.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị L và Anh Phan Quốc D có 03 người con chung tên là: Phan Quốc K, sinh ngày: 02/10/2002; Phan Quốc T, sinh ngày: 07/10/2005; Phan Thị Ngọc N, sinh ngày: 19/12/2006.

Giao các cháu Phan Quốc K, Phan Quốc T và Phan Thị Ngọc N cho Chị Trần Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Trần Thị L không yêu cầu Anh Phan Quốc D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Quốc D không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với Chị Trần Thị L

Sau khi ly hôn, Anh Phan Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phan Quốc D không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Chị Trần Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Anh Phan Quốc D.

Anh Phan Quốc D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của Chị Trần Thị L.

Chị Trần Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh Phan Quốc D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này Anh Phan Quốc D có tranh chấp về tài sản chung thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này bà Nguyễn Thị G, Chị Trần Thị L, anh Phan Quốc D có tranh chấp về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị L về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Trần Thị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006049 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho Chị Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 987.500 đồng (*Chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006048 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Phan Quốc D vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải